

Số: 69/2022/QĐST -HNGĐ

*Tuy An, ngày 25 tháng 7 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 113/2022/TLST/HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 giữa;

**Nguyên đơn:** Anh Lê Văn T, sinh năm 1983.

**Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1985.

Đồng địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị Thu T1

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về con chung:** Chị Nguyễn Thị Thu T1 được tiếp tục trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 16/12/2006, Lê Minh T2, sinh ngày 02/7/2012 và Lê Nguyễn Anh T3, sinh ngày 14/9/2016. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu, mỗi tháng 300.000 đồng x 3 cháu = 900.000 đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2022, cho đến khi phát sinh một

trong các trường hợp quy định tại điều 118 Luật hôn nhân gia đình thì chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Văn T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được quyền cản trở, khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án ( đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

**-Về tài sản chung:** Hai bên đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

**- Về án phí:** Nguyên đơn anh T thỏa thuận chịu 150.000 đồng án phí HNGĐ-ST và 150.000 đồng án phí DSSST về phần cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số: 05515 ngày 07/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T

Trường hợp Quyết được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện T;
- VKSND huyện T;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

( Đã ký )

Trần Văn Bình

